

ÔN TẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
THEO HƯỚNG DẪN TRONG VIDEO CỦA BỘ MÔN

LƯU Ý: CÁC EM KHÔNG PHỎ BIẾN TÀI LIỆU NÀY NHÉ.

THANKS ---->

=> sorry Thầy ạ, e lỡ share rồi :(

CHƯƠNG 4

I. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Thuật ngữ “Dân chủ”

- Tư tưởng dân chủ xuất hiện khi nào, thời điểm nào

Tư tưởng dân chủ xuất hiện từ trong xã hội công xã nguyên thủy (dân chủ là nhu cầu khách quan nên có từ rất sớm).

Chế độ dân chủ ra đời từ khi xã hội phân chia giai cấp (XHCHNL), chế độ dân chủ xuất hiện khoảng thế kỉ thứ 7 – thứ 6 trước CN.

- Thuật ngữ dân chủ được quan niệm như thế nào? (thuật ngữ gốc)

Thuật ngữ gốc xuất phát từ tiếng Hy Lạp, demos karots, gồm 2 từ ghép lại là “Demos” (Dân) và “Karots” (Quyền lực) → demos karots là quyền lực thuộc về nhân dân”

2. Quan niệm về Dân trong lịch sử như thế nào

Ai là dân thì có quyền lực, ai không là dân thì không có quyền lực.

Vấn đề Dân ở đây là ai?

Trong mỗi một giai đoạn lịch sử, trong mỗi 1 chế độ xã hội thì Dân lại được xác định khác nhau, điều này do giai cấp thống trị quy định.

Ví dụ: + Trong XH CHNL, dân do g/c chủ nô quy định: g/c chủ nô, tăng lữ, những người buôn bán tự do. Những người còn lại thì không phải là Dân (nô lệ và những người đến từ những thành bang khác), không phải là dân thì không có quyền lực.

+Sang chế độ phong kiến gọi là quân chủ, quyền lực thuộc về vua

+ Chế độ TBCN, những ai sở hữu tư liệu sản xuất thì được gọi là Dân → như vậy chỉ là thiểu số giai cấp tư sản.

+ Chế độ XHCN: Dân là đại đa số người dân

3. Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ

- Trên phương diện quyền lực: Dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân
- Trên phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị: Dân chủ là một hình thức nhà nước, là một chế độ dân chủ, 1 nền dân chủ.
- Trên phương diện tổ chức quản lý xã hội: Dân chủ là một nguyên tắc – nguyên tắc dân chủ.

- Dân chủ là sản phẩm của quá trình đấu tranh giai cấp, là một giá trị xã hội.

4. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

- Dân chủ:
 - + Dân là chủ, Bác muốn nói đến vị thế của người dân là người chủ đất nước
 - + Dân làm chủ: bác muốn đề cập đến địa vị, trách nhiệm, nghĩa vụ.

5. Nền dân chủ và các nền dân chủ tồn tại trong lịch sử

- Cần phân biệt dân chủ và nền dân chủ
 - + Dân chủ: quyền lực thuộc về dân, xuất hiện từ công xã nguyên thủy
 - + Nền dân chủ: là dân chủ được thể chế hóa bằng pháp luật, gắn liền với nhà nước, với chế độ xã hội. Nền dân chủ ra đời trong xã hội CHNL (khoảng thế kỉ thứ 7 – thứ 6 TCN)
 - Nền dân chủ gắn liền với nhà nước, với chế độ xã hội nên:
 - + Trong XH CSNT chưa có nền dân chủ (bởi chưa có nhà nước). Sau này, ông Ăngghen ông có đặt cho nền dân chủ xã hội nguyên thủy là dân chủ nguyên thủy hoặc là dân chủ nguyên thủy.
 - + Nền dân chủ chủ nô (xuất hiện giai cấp, nhà nước, chế độ xã hội)
 - + Trong chế độ PK không có nền dân chủ (đây là chế độ quân chủ)
 - + XH TBCN: dân chủ tư sản
 - + Dân chủ XHCN: dân chủ cho đại đa số.
- Xét trong lịch sử chỉ có 3 nền dân chủ: Dân chủ chủ nô, dân chủ tư sản và dân chủ vô sản.
- Chủ nghĩa cộng sản không có nền dân chủ (vì nền dân chủ gắn liền với giai cấp, nhà nước) chỉ có dân chủ.

6. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Nền dân chủ XHCN hình thành từ khi nào: từ sau CM T10 Nga (1917) (vì nền dân chủ XHCN gắn liền với nhà nước XHCN, nên nhà nước XHCN xuất hiện khi nào thì nền dân chủ XHCN xuất hiện khi đó). Nó sẽ kết thúc sau khi chúng ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nghĩa là sang chế độ CSCN.
- Quan niệm về nền dân chủ XHCN:
 - + Đây là *nền dân chủ cao hơn về chất* so với các nền dân chủ đã từng xuất hiện trong lịch sử.
 - + Trong nền dân chủ XHCN thì *quyền lực thuộc về đa số nhân dân lao động* (vì đa số nhân dân là người làm chủ)

- + Dân chủ XHCN là nền dân chủ của ai: là *nền dân chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động*.
- + Bản chất của nền dân chủ XHCN (hoặc dùng câu hỏi khác: cơ sở của nền dân chủ XHCN; Nền dân chủ XHCN được thực hiện trên những cơ sở nào, hoặc nền dân chủ XHCN được thực hiện trên lĩnh vực nào):
 - ++ Bản chất về chính trị của nền dân chủ XHCN (cơ sở chính trị): mang bản chất của giai cấp công nhân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
 - ++ Bản chất kinh tế của nền dân chủ XHCN (cơ sở kinh tế): dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và phân phối theo kết quả lao động là chủ yếu.
 - ++ Bản chất tư tưởng, văn hóa, xã hội (cơ sở tư tưởng, văn hóa, XH) của nền dân chủ XHCN: Về tư tưởng là lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng hay là tư tưởng chủ đạo; Về văn hóa: giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; Về xã hội: đảm bảo sự công bằng, lợi ích hài hòa giữa cá nhân và tập thể với lợi ích của toàn xã hội.
- + Nền dân chủ XHCN khác với các nền dân chủ trong lịch sử ở chỗ nào: nền dân chủ rộng rãi, là nền dân chủ của đa số nhân dân lao động, còn những nền dân chủ khác là thiểu số giai cấp bóc lột, giai cấp thống trị.

7. *Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

- Hình thành khi nào: sau CM tháng 8 năm 1945
- Bản chất nền dân chủ XHCN ở Việt Nam: Dân chủ đi liền với tự do, bình đẳng
- Động lực xây dựng chế độ XHCN ở Việt Nam: phát huy sức mạnh của nhân dân, của dân tộc.
- Yếu tố quan trọng nhất để xây dựng nền dân chủ XHCN là: pháp luật, kỉ luật, kỉ cương.

II. **NHÀ NƯỚC XHCN**

1. Quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin về sự ra đời nhà nước

- Nguyên nhân (nguồn gốc) kinh tế:
 - + Nguyên nhân sâu xa (nguyên nhân kinh tế): sự phát triển của LLSX và sự xuất hiện chế độ tư hữu. (chế độ tư hữu, hình thành của riêng → có người giàu, nghèo → giai cấp → Nhà nước)
 - + Nguồn gốc trực tiếp (nguồn gốc xã hội): trong XH hình thành giai cấp đối kháng (có g/c, mâu thuẫn g/c → sinh ra nhà nước)

- Nhà nước có tồn tại vĩnh viễn không hay mang tính lịch sử: Nhà nước là 1 phạm trù lịch sử, vì nhà nước ra đời gắn liền với sự xuất hiện của giai cấp, khi trong XH không còn giai cấp đối kháng sẽ không có nhà nước)

2. Các hình thức nhà nước tồn tại trong lịch sử

Xã hội CSNT không có nhà nước

- Nhà nước chủ nô: mang bản chất của giai cấp chủ nô
- Nhà nước phong kiến: mang bản chất của giai cấp phong kiến
- Nhà nước tư sản: có 3 kiểu nhà nước chủ yếu
 - + Nhà nước quân chủ lập hiến: nước Anh
 - + Nhà nước quân chủ đại nghị:
 - + Nhà nước cộng hòa

Ba hình thức nhà nước trên là nhà nước của thiểu số trấn áp đa số.

- Nhà nước XHCN: 3 quan niệm của CN Mác
 - + Nhà nước trong thời kì quá độ tồn tại theo nguyên nghĩa nhà nước
 - + Nhà nước trong XHCN: nhà nước tồn tại là nửa nhà nước
 - + Sang CNCS thì nhà nước sẽ tự tiêu vong

Nhà nước XHCN là nhà nước của giai cấp công nhân và đa số nhân dân lao động.

3. Bản chất của nhà nước XHCN

- Nhà nước mang bản chất của giai cấp thống trị.
- Bất kể nhà nước nào tồn tại trong lịch sử đều có chức năng bạo lực, trấn áp.
- Bản chất chính trị: Mang bản chất của giai cấp công nhân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Bản chất kinh tế:
- Bản chất tư tưởng: lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng hay là tư tưởng chủ đạo.
- Bản chất văn hóa:
- Bản chất xã hội: sự hài hòa giữa các giai cấp, tầng lớp.

Bản chất của nhà nước XHCN tương tự với nền Bản chất nền dân chủ XHCN

4. Chức năng của nhà nước

Có 3 căn cứ để phân chia: (có thể hỏi ngược, hỏi xuôi)

- Căn cứ vào *phạm vi tác động* của quyền lực nhà nước: đối nội và đối ngoại
- Căn cứ vào *lĩnh vực tác động* của quyền lực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Căn cứ *tính chất quyền lực* nhà nước: tổ chức xây dựng (xã hội) và bạo lực trấn áp (giai cấp)
- 5. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam**
- Cấu trúc hệ thống chính trị XHCN ở Việt Nam hiện nay: gồm có 3 thành tố
 - + Đảng Cộng sản VN: giữ vai trò lãnh đạo
 - + Nhà nước XHCN VN: đóng vai trò trụ cột
 - + Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:
- Bản chất của nhà nước pháp quyền XHCN VN:
 - + *Mang bản chất của giai cấp công nhân*. Vì nhà nước của chúng ta là thành quả đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của ĐCS.
 - + *Do nhân dân lao động làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân*.
- Nguyên tắc cơ bản để xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân: có nhiều nguyên tắc nhưng lưu ý những nguyên tắc sau:
 - + Quyền lực thuộc về nhân dân
 - + Quản lý xã hội bằng hiến pháp và pháp luật.
 - + Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý và nhân dân lao động làm chủ.
 - + Dân chủ XHCN là cơ sở, nền tảng để xây dựng nhà nước XHCN.
 - + Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN thống nhất với nhau.
- Mục tiêu của nhà nước XHCN ở VN: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Nhà nước XHCN ở VN là công cụ quan trọng để thực thi quyền làm chủ, quyền dân chủ của người dân.

CHƯƠNG 5

I. CƠ CẤU XÃ HỘI GIAI CẤP TRONG TỜI KÌ QUÁ ĐỘ

1. Cơ cấu xã hội

- *Cơ cấu XH là gì: kn cơ cấu xã hội*
Cơ cấu xã hội=Cộng đồng người + mối quan hệ xã hội (với nhau)
- *Kết cấu của cơ cấu xã hội*: cơ cấu XH – nghề nghiệp, cơ cấu XH – dân cư, cơ cấu XH – tộc, cơ cấu XH – tôn giáo, **cơ cấu XH – giai cấp** (giữ vai trò chi phối, quyết định các cơ cấu XH khác)

2. Cơ cấu XH giai cấp

- *Khái niệm cơ cấu XH – giai cấp* = các g/c, tầng lớp + Mối quan hệ giữa chúng.
- *Vị trí của cơ cấu XH – giai cấp*:

- + Là một bộ phận của cơ cấu xã hội và có mối quan hệ tác động qua lại với các bộ phận khác của cơ cấu XH.
- + Có vị trí trung tâm quan trọng hàng đầu cho phối các loại cơ cấu xã hội khác.

3. **Cơ cấu XH giai cấp trong thời kì quá độ lên CHXH**

- Là hệ thống các giai cấp, tầng lớp và mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp đó trong thời kì quá độ đi lên CNXH.
Cơ cấu XH – g/c trong TKQĐ=Các g/c, tầng lớp+MQH giữa chúng trong TKQĐ
- Xu hướng biến đổi của cơ cấu XH –g/c trong thời kì quá độ lên CNXH: có 4 xu hướng:
 - + Xích lại gần nhau về mối quan hệ TLSX.
 - + Xích lại gần nhau về tính chất lao động.
 - + Xích lại gần nhau về quan hệ phân phối.
 - + Xích lại gần nhau về sự tiến bộ và đời sống tinh thần.
- Sự biến đổi của cơ cấu XH –g/c trong thời kì quá độ lên CNXH: Sự biến đổi có tính quy luật:
 - + Sự biến đổi **bị quy định bởi cơ cấu kinh tế**
 - + Sự biến đổi **phức tạp, đa dạng** làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.
 - + Biến đổi trong mối quan hệ vừa **đấu tranh**, vừa **liên minh** dẫn đến sự **xích lại gần nhau** giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội.
- Mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH:
 - + Mối quan hệ lãnh đạo,
 - + Mối quan hệ liên minh,
 - + Mối quan hệ đấu tranh,
 - + Mối quan hệ đan xen
 - + Mối quan hệ hợp tác

4. **Cơ cấu XH giai cấp trong thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam**

- **Khái niệm** Cơ cấu XH giai cấp trong thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam
- **Kết cấu** của giai cấp – tầng lớp ở Việt Nam:
- **Mối quan hệ** giữa các giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam:
 - + Mối quan hệ liên minh: công – nông – trí thức
 - + Mối quan hệ lãnh đạo: g/c công nhân
 - + Mối quan hệ hợp tác: các g/c, tầng lớp hợp tác với nhau
 - + Mối quan hệ đan xen:

- + Mỗi quan hệ đấu tranh: công nhân đấu tranh với ông chủ.
- *Đặc điểm cơ bản của cơ cấu XH – giai cấp ở Việt Nam, sau năm 1986*
 - + Vừa mang tính *quy luật phổ biến* vừa mang tính *đặc thù*.
 - + Vai trò của các giai cấp, tầng lớp ngày càng *được khẳng định*
 - + Mang tính *đa dạng*
- Vị trí vai trò của các giai cấp ngày càng được khẳng định, trong đó:
 - + Giai cấp công nhân giữ vai trò *tiên phong*
 - + Giai cấp nông dân là lực lượng *quan trọng*
 - + Đội ngũ trí thức là lực lượng *sáng tạo đặc biệt*
 - + Tầng lớp doanh nhân
- Nguyên nhân dẫn đến xu hướng biến đổi cơ cấu XH –giai cấp ở Việt Nam mang tính đa dạng, thống nhất: do nền kinh tế nhiều thành phần.
- Cơ cấu XH – g/c ở nước ta trước 1986 có đặc điểm gì: mang tính đơn giản
- Cơ cấu XH – g/c ở Việt Nam ngoài tính phổ biến còn có tính chất gì: đặc thù (và ngược lại)

II. LIÊN MINH G/C, TẦNG LỚP TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH Ở VN

1. Yếu tố quyết định sự liên minh g/c, tầng lớp trong thời kì quá độ: do có lợi ích cơ bản phù hợp, thống nhất với nhau.
 - Giai cấp nào được xem là bạn đồng minh tự nhiên của công nhân: Nông dân
2. **Nội dung của liên minh**
 - Nội dung kinh tế:
 - + Mục đích của liên minh kinh tế là gì: kết hợp đúng đắn lợi ích, nhu cầu kinh tế của các g/c, tầng lớp
 - + Là nội dung cơ bản, quyết định
 - + Là cơ sở vật chất, kỹ thuật của liên minh.
 - Chính trị
 - + Mục đích: giữ vững lập trường chính trị tư tưởng của giai cấp công nhân
 - Văn hóa – xã hội.
 - + Mục đích: thực hiện tốt các chính sách XH đối với các công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân.
 3. Trong cách mạng XHCN lập trường chính trị của liên minh của công nhân – nông dân – trí thức dựa trên lập trường của giai cấp công nhân.

4. Vai trò của các g/c, tầng lớp trong liên minh như thế nào:

Vai trò của giai cấp công nhân:

+ G/c công nhân là lực lượng đi đầu (lực lượng nòng cốt, lực lượng lãnh đạo trong liên minh) trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Lực lượng nòng cốt trong liên minh

+ Là lực lượng lãnh đạo

5. Trong TKQĐ lên CNXH, điều kiện thực hiện nội dung liên minh về chính trị của các g/c, tầng lớp là gì: hoàn thiện phát huy dân chủ XHCN và quyền làm chủ của nhân dân.

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH

I. Vấn đề dân tộc

1. Khái niệm dân tộc:

- ***Các hình thức cộng đồng người tồn tại trong lịch sử? Xác định hình thức cộng đồng xuất hiện sớm nhất và phát triển cao nhất?***

Thị tộc – Bộ lạc – Bộ tộc – Dân tộc

Thị tộc: cộng đồng có mối quan hệ về huyết thống

Bộ lạc: liên minh hợp tác của nhiều thị tộc lại với nhau tạo nên bộ tộc

Bộ tộc: liên minh hợp tác của nhiều bộ lạc lại với nhau hình thành nên bộ tộc

Dân tộc: liên minh hợp tác của nhiều bộ tộc lại với nhau hình thành dân tộc

→ Cộng đồng sớm nhất là Thị tộc;

Cộng đồng phát triển cao nhất là Dân tộc

- ***Nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi và phát triển của các cộng đồng dân tộc:*** do sự biến đổi của PTSX

- ***Sự hình thành các dân tộc ở Phương Đông và Phương Tây?***

+ Ở Phương Tây: xuất hiện khi PTSX TBCN thay thế PTSX PK

+ Ở Phương Đông: dân tộc hình thành trên cơ sở nền văn hóa, tâm lý dân tộc và cộng đồng kinh tế.

- ***Dân tộc theo nghĩa rộng:*** quốc gia,

+ Có chung vùng lãnh thổ ổn định

+ Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế

+ Có chung ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp

+ Có chung nền văn hóa và tâm lý

+ Có chung một nhà nước

- ***Dân tộc theo nghĩa hẹp***: tộc người, có 3 đặc trưng
 - + Cộng đồng ngôn ngữ
 - + Cộng đồng về văn hóa
 - + Ý thức tự giác dân tộc.

2. ***Hai xu hướng của phong trào dân tộc***

- Xu hướng khách quan thứ nhất: cộng đồng dân cư muốn ***tách ra*** để hình thành các cộng đồng dân tộc độc lập (xu hướng này diễn ra trong giai đoạn các nước trong hệ thống thuộc địa của đế quốc thực dân, họ đấu tranh để giành độc lập dân tộc)
- Xu hướng khách quan thứ 2: các dân tộc trong từng quốc gia hoặc ở nhiều quốc gia muốn ***liên hiệp lại*** với nhau (các quốc gia liên minh với nhau để hình thành nên thị trường chung, sử dụng đồng tiền chung, pháp luật chung, thậm chí chính phủ chung để điều hành ví dụ EU (kinh tế, thị trường, đồng tiền, pháp luật), Việt Nam tham gia Asean cũng là liên minh hợp tác).

3. ***Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin:***

- Nội dung cương lĩnh được Lênin thể hiện trong tác phẩm “Về quyền dân tộc tự quyết”
- ***Nội dung của cương lĩnh dân tộc***
 - + Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng
 - ++ Là quyền thiêng liêng của các dân tộc
 - ++ Là cơ sở để thực hiện quyền tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác
 - ++ Trong một quốc gia đa dân tộc thì vấn đề có ý nghĩa cơ bản nhất để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc: ban hành hệ thống hiến pháp và pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
 - + Các dân tộc được quyền tự quyết:
 - ++ Là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh dân tộc mình
 - ++ Tự quyết về chính trị là nội dung cơ bản nhất trong các nội dung về quyền dân tộc tự quyết.
 - + Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc
 - ++ Là tư tưởng cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của các đảng cộng sản
 - ++ Là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.
- ***Nguyên tắc cơ bản trong giải quyết vấn đề dân tộc là gì***: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; Các dân tộc được quyền tự quyết; Liên hiệp các công nhân tất cả các dân tộc.

- Trong 1 quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc được thể hiện dựa trên cơ sở nào? (Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên hiến pháp và pháp luật (hay nói khác là thể hiện bằng pháp lý)
- Quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp công nhân dưới CNXH là gì? (Lợi ích của g/c công nhân có mối quan hệ cơ bản (căn bản) thống nhất với lợi ích của dân tộc, lợi ích của nhân dân lao động).

4. Vấn đề dân tộc Việt Nam

- **Đặc điểm nổi bật của dân tộc ở Việt Nam:**
 - + Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người
 - + Các dân tộc cư trú xen kẽ (**Lưu ý, không có dân tộc nào có vùng lãnh thổ riêng**) – **Lưu ý đặc điểm này**
 - + Các dân tộc thiểu số phân bố chủ yếu ở những địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.
 - + Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đồng đều.
 - + Các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc – quốc gia thống nhất.
 - + Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.
- Đặc trưng nào đã tạo nên nét độc đáo trong sự cố kết các cộng đồng dân tộc Việt Nam? (Đặc trưng tạo nên nét độc đáo: Việc hình thành dân tộc bắt nguồn từ nhu cầu chống thiên tai và chống ngoại xâm.
- **Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc:**
 - + Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.
 - + Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển.
 - + Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.
 - + Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi

đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

+ Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị”

- Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc được thể hiện trong các văn kiện đại hội nào của Đảng:

+ “Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc” (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951)

+ “Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc” (Tại Đại hội VII (6-1991)

+ “Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta” được nêu tại văn kiện đại hội nào (Đại hội IX).

II. Vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ đi lên CNXH

1. Khái niệm tôn giáo

- Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. → Qua hình thái phản ánh của tôn giáo, những **sức mạnh tự phát** trong tự nhiên và xã hội đều trở thành **thần bí**.
- Chủ nghĩa xã hội nghiên cứu, xem xét vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo dưới góc độ hình thái ý thức xã hội.
- Phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng và mê tín dị đoan.
 - + Tôn giáo là 1 hình thức của tín ngưỡng, nhưng tín ngưỡng chưa chắc đã là tôn giáo. Điều kiện để có tôn giáo (giáo lý, giáo luật, giáo đường, giáo dân, giáo hội, giáo đường)
 - + Mê tín: mê là mê muội, tín là niềm tin
 - Dị đoan: dị là dị thường, lập dị, phản khoa học. Đoan là cái đúng, hay.
- Tôn giáo và tín ngưỡng có mối quan hệ với nhau vì tôn giáo là một hình thức của tín ngưỡng.
- Tôn giáo không bao trùm mê tín dị đoan. Mê tín dị đoan dựa vào tôn giáo để tồn tại.

2. Bản chất của tôn giáo

- Là một loại hình ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan
- Là một hiện tượng xã hội – văn hóa do con người sáng tạo ra.
Con người tạo ra tôn giáo, chứ không phải tôn giáo tạo ra con người

- Về phương diện thế giới quan, về cơ bản, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm.
+ Tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, khoa học mang thế giới quan duy vật.

3. Câu hỏi thêm

- Xóa bỏ mặt chính trị của tôn giáo là xóa bỏ những mặt nào? Tức là xóa bỏ những tổ chức, cá nhân lợi dụng tôn giáo để chống phá.
- Tại sao phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo? Mỗi 1 thời kì lịch sử khác nhau thì vai trò, tác động của tôn giáo khác nhau. Ở mỗi thời điểm tùy vào tình hình tôn giáo nên cách giải quyết sẽ khác nhau.
- Với tư cách là hình thái ý thức xã hội thì tôn giáo và các khoa học khác nhau ở chỗ nào: khác nhau ở cách thức phản ánh, khoa học phản ánh chân thực thế giới khách quan, còn tôn giáo phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Ví dụ, cũng là trời mưa khoa học nói đây là quá trình bốc hơi nước, nhưng tôn giáo lại cho rằng đó là do thần mưa tạo ra (giống nhau đều phản ánh thế giới khách quan)
- Điểm chung giữa tôn giáo và triết học là gì: đưa ra và giải quyết những vấn đề liên quan đến thế giới quan và nhân sinh quan.

4. *Nguồn gốc của tôn giáo*

Nhận thức, tâm lý, tư tưởng, kinh tế - xã hội, văn hóa

- Luận điểm: “sợ hãi sinh ra thần thánh” đề cập đến nguồn gốc nào của tôn giáo? (nguồn gốc tâm lý)
- Khi xem xét nguồn gốc của tôn giáo, chủ nghĩa Mác – Lênin quan tâm đến nguồn gốc nào của tôn giáo? (nguồn gốc kinh tế - xã hội).
- Nguyên nhân tôn giáo hiện nay vẫn tồn tại

Tại sao các tôn giáo vẫn tồn tại, vì nguyên nhân: kinh tế, nhận thức, chính trị - xã hội, tâm lý.

5. *Tính chất của tôn giáo*

- Tôn giáo là phạm trù lịch sử (ra đời, tồn tại trong những giai đoạn nhất định của lịch sử, như vậy sẽ có những giai đoạn sẽ không có tôn giáo)
- Tôn giáo mang tính chính trị: Tại sao mang tính chính trị: giai cấp thống trị lợi dụng tôn giáo để phục vụ lợi ích của mình.
- Tôn giáo mang tính quần chúng.
- Tôn giáo KHÔNG mang tính khách quan.

6. Chức năng của tôn giáo

- Đề bù hư ảo

- Thế giới quan
- Điều chỉnh hành vi
- Giao tiếp
- Liên kết cộng đồng

III. Các quan điểm cơ bản của CN Mác – Lênin trong giải quyết vấn đề tôn giáo

- *Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân*
- *Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới*
- *Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.*
- *Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo*

IV. Đặc điểm của tôn giáo trong thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam

1. Các tôn giáo nội sinh ở Việt Nam: hiện nay ở Việt Nam có những tôn giáo nội sinh nào? Cao Đài, Hòa Hảo

2. Đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam

- *Thứ nhất:* Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo
- *Thứ hai:* Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo
- *Thứ ba:* Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc
- *Thứ tư:* Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ
- *Thứ năm:* Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài
- *Thứ sáu:* Tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực phản động lợi dụng
Sẽ hỏi đâu là đặc điểm, đâu không phải là đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam.

3. Chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo

- Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam nhằm mục đích gì? Để các tôn giáo tự do hoạt động (Đảng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo)
- Trong chính sách tôn giáo của Việt Nam hiện nay, đâu là nội dung cốt lõi của tôn giáo? Công tác vận động quần chúng
- Trong chính sách tôn giáo, Đảng Cộng sản Việt Nam, khẳng định công tác tôn giáo là trách nhiệm của: Toàn Đảng, toàn dân, toàn hệ thống chính trị (của toàn thể mọi người)
- Ở Việt Nam hiện nay, đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi yếu tố nào? (Tín ngưỡng và truyền thống dân tộc)
- Phương châm “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội” là định hướng hoạt động của tôn giáo nào ở Việt Nam? (Phương châm của Phật giáo)
- Đường hướng hành đạo “Nước vinh, đạo sáng” là của tôn giáo nào ở Việt Nam? (Đường hướng của đạo Cao Đài).
- Tục thắp hương thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam được gọi là gì? (Gọi là Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên)

CHƯƠNG 7

1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình

- Khái niệm gia đình: gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội **đặc biệt**, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở **hôn nhân** và **huyết thống** (chú ý những dòng chữ màu đỏ)
 - + Đặc biệt: Bởi vì gia đình có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội.
- Cơ sở hình thành gia đình:
 - + Quan hệ hôn nhân
 - + Quan hệ huyết thống

Quan hệ huyết thống được coi là quan hệ tự nhiên, là yếu tố mạnh mẽ, gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau.

Muốn có quan hệ huyết thống thì phải bắt đầu từ quan hệ hôn nhân. Quan hệ hôn nhân có thể thay đổi được, nhưng quan hệ huyết thống thì không

- Vị trí của gia đình:

- + Gia đình là tế bào của xã hội
- + Gia đình là tổ ấm, mang lại giá trị hạnh phúc
- + Gia đình là cầu nối giữa cá nhân và xã hội

- **Chức năng của gia đình:**

+ Tái sản xuất ra con người. Đây là chức năng đặc thù riêng có của gia đình

+ Nuôi dưỡng, giáo dục:

- Thể hiện tình cảm liêng thiêng, trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái và trách nhiệm của gia đình đối với xã hội.
- Thực hiện chức năng này của gia đình có ý nghĩa quan trọng đối với việc hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của con người.

+ Kinh tế và tổ chức tiêu dùng:

- Gia đình tham gia sản xuất tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng (giống như các đơn vị kinh tế khác)
- Gia đình còn là đơn vị tiêu dùng trong xã hội

+ Thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình: Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên.

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kì quá độ đi lên CNXH.

Cần nhớ những ý sau của mỗi 1 cơ sở

- Cơ sở kinh tế: sự phát triển của lực lượng sản xuất tương ứng với quan hệ sản xuất mới XHCN (nhớ ý này)
- Cơ sở chính trị - xã hội: thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- Cơ sở văn hóa: nền văn hóa mới – văn hóa xã hội chủ nghĩa.

3. Cơ sở chế độ hôn nhân tự nguyện

- Hôn nhân tự nguyện

+ Xuất phát từ tình yêu (Đây là hôn nhân tiến bộ, là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ)

+ Đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn

Tự nguyện không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ, không có nghĩa là bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, định hướng, hướng dẫn, giúp đỡ con cái, có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

+ Đảm bảo cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu không còn nữa

Tự nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích ly hôn

- Hôn nhân một vợ, một chồng, vợ chồng bình đẳng:
- Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý.

Tại sao hôn nhân được đảm bảo về mặt pháp lý: Tại vì

Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân:

+ Thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu

+ Thể hiện trách nhiệm giữa nam và nữ

+ Thể hiện trách nhiệm của cá nhân, gia đình và xã hội.

HỎI THÊM

- Quan hệ nào được xem là cơ bản nhất trong gia đình? Quan hệ hôn nhân và huyết thống)

- Quan hệ được coi là cơ sở pháp lý cho sự tồn tại của mỗi gia đình là gì? (Quan hệ hôn nhân)
- Quan hệ được coi là cơ sở, nền tảng hình thành nên các mối quan hệ xã hội khác trong gia đình là gì? (**Quan hệ hôn nhân**)
- Trong thời kì quá độ lên CNXH, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với ai? (giải phóng đối với phụ nữ)

4. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ đi lên CNXH

- Sự biến đổi về quy mô, kết cấu gia đình
 - + Biến đổi từ gia đình truyền thống (quy mô lớn, nhiều thành viên, đa thế hệ) sang gia đình hạt nhân (quy mô nhỏ, ít thành viên, 2 thế hệ, cá biệt có gia đình đơn thân)
- Sự biến đổi chức năng gia đình
 - + *Chức năng sinh đẻ:*
 Trước kia là đông con, chú trọng con trai
 Hiện nay: ít con, ít chú trọng con trai hơn
 - + *Chức năng kinh tế tổ chức tiêu dùng:*
 Trước đây: kinh tế tự túc, phục vụ cho gia đình
 Hiện nay: kinh tế hàng hóa, nghĩa là gia đình hiện nay cũng là đơn vị kinh tế, sản xuất kinh doanh
 - + *Chức năng giáo dục:*
 Trước đây: giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội,
 Hiện nay: giáo dục xã hội là cơ sở (bao trùm) của giáo dục gia đình.
 - + Chức năng nhu cầu thỏa mãn sinh lý

Trước đây: độ bền vững của gia đình phụ thuộc vào **trách nhiệm**, nghĩa vụ của các thành viên

Hiện nay: độ bền vững của gia đình phụ thuộc vào mối quan hệ hài hòa, **tình cảm** giữa các thành viên.

- *Sự biến đổi trong quan hệ gia đình*

+ *Quan hệ hôn nhân*

Trước đây: gia đình đơn thân thấp, hôn nhân dễ dàng

Hiện nay: gia đình đơn thân cao, hôn nhân khó khăn

+ *Quan hệ vợ chồng*

Trước đây: chồng là trụ cột, là người sở hữu, quyết định công việc gia đình

Hiện nay: quan hệ bình đẳng, thậm chí có gia đình phụ nữ là trụ cột

HỎI THÊM

- Điều kiện, tiền đề kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kì quá độ đi lên CNXH: xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu.
- Đây là cơ sở chính trị - xã hội xd gia đình trong thời kì quá độ đi lên CNXH: Thiết lập nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động: nhà nước XHCN

5. Các quy định mang tính pháp luật về gia đình Việt Nam hiện nay

- Tiêu chuẩn gia đình văn hóa hiện nay là gì
- Người có thẩm quyền công nhận gia đình văn hóa Việt Nam hiện nay là ai?
- Ngày gia đình Việt Nam là ngày nào?
- Theo luật Hôn nhân và gia đình 2014, cơ quan nào có thẩm quyền hủy kết hôn trái pháp luật?

- Theo luật Hôn nhân và gia đình 2014, thế nào là kết hôn giả tạo?
- Theo luật Hôn nhân và gia đình 2014, tảo hôn có nghĩa là gì?
- Theo luật Hôn nhân và gia đình 2014, vợ chồng có nghĩa vụ và quyền đối với nhau như thế nào?
- Theo luật Hôn nhân và gia đình 2014, khi tổ chức đăng ký kết hôn, hai bên nam nữ bắt buộc phải có mặt không?
- Theo luật Hôn nhân và gia đình 2014, vợ chồng có quyền như thế nào trong việc chiếm hữu, sử dụng, và định đoạt tài sản chung.
- Theo luật Hôn nhân và gia đình 2014, độ tuổi kết hôn được quy định như thế nào.
- Gia đình hạt nhân ở Việt Nam hiện nay là kiểu gia đình có kết cấu bao gồm bao nhiêu thế hệ? (Kết cấu thường 2 thế hệ)
- Trong gia đình hiện đại ở Việt Nam hiện nay, sự bền vững của hôn nhân chủ yếu phụ thuộc vào yếu tố nào? (Yếu tố tâm lý, tình cảm và kinh tế)
- Theo quan điểm của người Việt Nam, quyền lực gia đình thuộc về ai trong gia đình truyền thống? (Quyền lực thuộc về đàn ông)
- Đây là nguyên tắc để thực hiện các quan hệ cơ bản trong gia đình **mới** XHCN ở Việt Nam. (bình đẳng, thương yêu lẫn nhau)
- Theo quan điểm của người Việt Nam, người sở hữu tài sản và quyết định các công việc quan trọng trong gia đình truyền thống thuộc về ai? (người đàn ông, người chồng)